TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2026/DS-PT
Ngày: 30-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 796/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ: Số B Hẻm S, đường L, Tổ A, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Số B Hẻm S, đường L, Tổ A, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh, địa chỉ cũ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thúy H: ông Nguyễn Hòa B, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số G ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Số G ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

2. Ông Võ Phước T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

3. Ông Trần Hữu B1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số B Hẻm S, đường L, Tổ A, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Số B Hẻm S, đường L, Tổ A, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Thúy H. Bà Lê Thị H1 là mẹ ruột của bà và bà H. Do đi làm ăn xa, vào khoảng giữa năm 2019 bà có giao cho bà H giữ hộ số vàng trọng lượng 5,7 cây (lượng) loại vàng SJC, gồm: 05 miếng loại 01 lượng/miếng, 02 miếng loại 02 chỉ/miếng và 03 miếng loại 01 chỉ/miếng. Đây là tài sản riêng của bà có trước khi kết hôn với ông Trần Hữu B1. Đến tháng 5/2024, bà đã nhận lại 06 chỉ vàng SJC. Việc giao vàng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập giấy biên nhận do tin tưởng chị em ruột; chồng bà H là ông Võ Phước T biết việc này. Trước đó, bà nhiều lần gửi vàng cho bà H giữ và đều lấy lại khi cần, nên rất tin tưởng vợ chồng bà H.

Đến tháng 3/2025, do chồng bà bệnh, bà điện thoại yêu cầu bà H gửi lại số vàng để chữa bệnh. Ngày 14/3/2025, bà H nhờ bà H1 mang lên cho bà 18.000.000 đồng. Ngày 27/3/2025, khi chồng bà tái khám, bà tiếp tục yêu cầu nhận lại toàn bộ số vàng đã gửi 5,1 cây vàng SJC thì bà H trả lời là đã làm mất và không giao trả. Các cuộc gọi trao đổi giữa bà và bà H đều được bà ghi âm làm chứng cứ. Bà xác định không giao vàng cho bà H1 giữ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu buộc bà H trả lại 5,1 cây (lượng) vàng SJC, đồng thời đồng ý hoàn trả 18.000.000 đồng đã nhận trước đó; ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm như sau:

Bà thừa nhận có giữ hộ chị ruột là bà P số vàng 5,7 cây vàng SJC. Đến khoảng tháng 10/2023, bà đã giao lại 5,1 cây vàng cho bà H1 để bà H1 giữ hộ bà P. Việc giao vàng này có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Kim L. Khi giao vàng, bà có nhờ mẹ điện thoại thông báo cho bà P biết và bà H1 cũng đã điện thoại xác nhận với bà P việc giữ vàng. Kể từ thời điểm giao vàng cho bà H1, bà không còn trách nhiệm đối với số vàng này.

Đến khoảng tháng 4/2025, bà P điện thoại cho bà H1 để lấy 02 chỉ vàng trong số 5,1 cây vàng nêu trên thì không tìm thấy vàng. Khi biết vàng bị thất lạc, bà P có điện thoại nhờ bà mượn giúp 02 chỉ vàng đưa cho bà H1 mang lên Tây Ninh giao cho bà P. Bà cho rằng nếu bà P không biết việc bà đã giao lại vàng cho bà H1, thì trong

khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 4/2025 bà P đã có phản ứng khác, trong khi thực tế bà P còn trực tiếp điện thoại cho bà H1 để lấy 02 chỉ vàng trong số vàng đã giao.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H trình bày không nhớ chính xác thời gian giữ hộ vàng cho bà P, hơn nữa, mặc dù biết số vàng là của bà P nhưng bà không nhận vàng trực tiếp từ bà P, mà nhận vàng từ bà H1 giao. Bà chỉ giữ vàng vài tháng, đến tháng 10/2023 đã giao lại 5,1 cây vàng cho bà H1. Đối với số tiền 18.000.000 đồng, bà trình bày đây là tiền do bà H1 nhờ hỏi mượn từ bà L, không phải tiền của bà nên không đồng ý nhận lại theo yêu cầu của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Lê Thị H1 trình bày: bà xác nhận bà H có giữ hộ cho bà P 5,1 cây vàng SJC; đến khoảng tháng 10/2023, bà H giao lại số vàng này cho bà giữ hộ cho bà P. Bà đã điện thoại thông báo cho bà P biết và bà P đồng ý cho bà giữ hộ. Đến khoảng tháng 4/2025, bà P điện thoại yêu cầu bà lấy 02 chỉ vàng trong số 5,1 cây vàng để trị bệnh cho chồng; tuy nhiên, khi tìm thì không thấy vàng. Khi chưa tìm được vàng, bà P có nhờ bà H mượn 02 chỉ vàng giao cho bà mang lên Tây Ninh. Hiện nay, bà đồng ý trả lại 5,1 cây vàng cho bà P và xác định không liên quan đến trách nhiệm của bà H.

Ông Võ Phước T trình bày: ông là chồng của bà H. Ông không biết việc các bên giao, gửi vàng cụ thể như thế nào; đến khoảng tháng 3/2025, khi bà P gọi điện yêu cầu bà H trả 5,1 cây vàng thì ông mới biết sự việc. Ông không đồng ý với yêu cầu buộc bà H trả vàng vì cho rằng bà H không còn giữ số vàng này.

Ông Trần Hữu B1 trình bày: số vàng 5,7 cây SJC là tài sản riêng của bà P; ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh đã xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản:

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H trả cho bà Nguyễn Thị P 5,1 cây (lượng) vàng SJC, loại vàng miếng (05 miếng loại 01 lượng và 01 miếng loại 01 chỉ).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu là 30.907.600đ (Ba mươi triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

H2 lại cho bà Nguyễn Thị P 13.220.000đ (Mười ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002335 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2025, bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Luật sư Nguyễn Hòa B trình bày: do mối quan hệ mẹ con trong gia đình, nên việc gửi giữ tài sản giữa bà P, bà H và bà H1 không làm giấy tờ gì. Bà H cho rằng trong thời gian trước khi khởi kiện thì bà P đã hăm dọa làm cho tinh thần của bà H bị khủng hoảng. Việc bà P gửi vàng cho bà H1 có bà H1 thừa nhận và có người làm chứng. Việc mất trộm tại nhà bà H1 có trình báo cơ quan Công an. Bà P gửi vàng cho bà H1, do bận công việc nên bà H1 mới giao lại cho bà H giữ một thời gian và sau đó bà H đã giao lại cho bà H1 giữ. Bà H1 cũng đồng ý trả vàng cho bà P, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện của bà H1 có trách nhiệm trả vàng cho bà P.

Bà Lê Thị H1 trình bày: bà là người nhận vàng của bà P gửi giữ.

Ông Võ Phước T trình bày: nếu bà P cho rằng đã gửi vàng cho bà H giữ thì bà P phải cung cấp được giấy tờ chứng minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: hồ sơ vụ án thể hiện, bà P, bà H và bà H1 thống nhất rằng, năm 2019 bà H giữ dùm bà P 5,7 lượng vàng SJC, sau đó bà P lấy lại 06 chỉ vàng, đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà P đồng ý để bà H giao cho bà H1 giữ số vàng còn lại, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 559 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: ông Trần Hữu B1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: giao dịch đang có tranh chấp được xác lập vào năm 2019. Do đó, cần căn cứ pháp luật về dân sự đang có hiệu lực trong quá trình xác lập giao dịch để giải quyết tranh chấp, cụ thể: áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan.

Xét kháng cáo của bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[5] Điều 557 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ của bên giữ tài sản như sau:

"1. Bảo quản tài sản theo đúng thỏa thuận, trả lại tài sản cho bên gửi theo đúng tình trạng như khi nhận giữ.

...

4. Phải bồi thường thiệt hại, nếu làm mất, hư hỏng tài sản gửi giữ, trừ trường hợp bất khả kháng".

[6] Căn cứ để bà H kháng cáo, vì cho rằng bà không nhận vàng trực tiếp từ bà P mà nhận vàng do bà H1 giao; hơn nữa, sau đó bà đã giao lại cho bà H1 giữ hộ bà P nên bà không còn trách nhiệm gì với bà P. Luật sư B1 đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 có trách nhiệm trả lại số vàng cho bà P. Xét các lý lẽ mà bà H nại ra và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[7] Việc bà H cho rằng, bà không trực tiếp nhận vàng từ bà P mà bà nhận vàng trực tiếp từ bà H1, là hoàn toàn mâu thuẫn với chính lời khai của bà H tại Bản tự khai ngày 06/6/2025, có nội dung: *"khoảng giữa năm 2019 bà P là chị ruột của tôi có gửi tôi giữ dùm 5,7 cây vàng SJC... chị tôi đã lấy lại 06 chỉ..."*; và tại Văn bản ý kiến ngày 13/6/2025, bà H trình bày *"tôi có giữ hộ chị ruột tôi là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H, Tỉnh T 5,1 cây vàng"* (bút lục 59, 60). Hơn nữa, giữa lời trình bày của bà H và bà H1 có sự mâu thuẫn với nhau và không nhất quán với chính lời khai của mỗi đương sự về thời điểm nhận giữ vàng, người trực tiếp giao vàng và người giao lại 06 chỉ vàng cho bà P trong năm 2024 (các bút lục số 59, 60, 64, 80, 81).

[8] Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P vì cho rằng, sau đó bà đã giao lại vàng cho bà H1 giữ nên không còn trách nhiệm. Tuy nhiên, cả bà H và bà H1 đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà P đã đồng ý sự thay đổi người nhận giữ tài sản từ bà H thành bà H1.

[9] Đối với người làm chứng do bà H cung cấp là bà Nguyễn Thị Kim L, thì bà L trình bày chỉ chứng kiến việc bà H giao cho bà H1 một túi màu đỏ, không kiểm tra, không xác định cụ thể số lượng, chủng loại vàng, nên lời làm chứng này cũng không đủ cơ sở để xác định bà H đã hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả tài sản gửi giữ.

[10] Tại đoạn [5] phần nhận định của bản án sơ thẩm đã phân tích, đánh giá toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thúy H trả cho bà Nguyễn Thị P 5,1 cây vàng SJC là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 557 và Điều 559 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, cần được chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004337 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Thúy H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 9-Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục